

Bản án số: 24/2022/DS-PT

Ngày: 25/4/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hoài Sơn**

Các Thẩm phán:

Bà **Trần Thị Bé**

Bà **Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thùy Dương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà **Võ Hồng Thắng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2021/TLPT-DS ngày 17/12/2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 25/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2022/QĐ-PT ngày 27/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 27/2022/QĐPT-DS ngày 23/02/2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 45/TB-TA ngày 08/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 44/2022/QĐPT-DS ngày 31/3/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 48/2022/QĐPT-DS ngày 08/4/2022 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Ông **Trần Hữu L**, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Số 115 đường L, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành Đ**, sinh năm: 1981 và bà **Dương Thị Mỹ H**, sinh năm: 1997. Địa chỉ liên hệ: K574/11 đường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền ngày 29/12/2021). Ông Đ và bà H có mặt.

+ *Bị đơn:* Ông **Trương Thế S**, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Số 258 đường H, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà **Nguyễn Hoàng D**; sinh năm: 1989. Địa chỉ: Số 39 đường T, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền ngày 25/12/2020), có mặt.

+ *Người làm chứng:* Ông **Bùi Thanh T**. Địa chỉ: Căn hộ 10-10 CT2 Chung cư Eco green, số 286 đường N, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

+ *Người kháng cáo:* Bị đơn ông **Trương Thế S**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 22/6/2018, ông Trương Thế S có vay mượn ông Trần Hữu L số tiền là 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng) có biên bản về việc xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 22/6/2018 có chữ ký của ông Trương Thế S. Đến ngày 20/8/2018, ông S có viết giấy cam kết trả nợ (viết tay) có ghi rõ: Khoản vay này tính theo lãi suất ngân hàng (chưa đưa khoản tiền lãi nào), cam kết trả nợ trước ngày 05/01/2020.

Do ông Sơn không trả nợ đúng hạn, ông L có gọi điện nhưng ông S không hợp tác trả nợ, việc ông S nợ ông L còn được ghi nhận trong Vi bằng do Văn phòng Thừa phát lại lập tại 47 Lý Tự Trọng, thành phố Đà Nẵng ngày 02/10/2020 giữa ông Trương Thế S, ông Trần Hữu L và bà Lê Thị Ngọc Hiệp.

Nay ông L yêu cầu ông S phải trả số tiền 4.000.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 20/8/2018 đến ngày 25/10/2021 là 03 năm 02 tháng 05 ngày, với mức lãi suất là 10%/năm, cụ thể:

- Từ ngày 20/8/2018 - 20/8/2021 là 3 năm: $4.000.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ năm} \times 10\% = 1.200.000.000 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 21/8/2021 đến ngày 20/10/2021 là 2 tháng: $4.000.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} \times 10\%/12 \text{ tháng} = 66.666.667 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 25/10/2021 là 5 ngày: $4.000.000.000 \text{đ} \times 5 \text{ ngày} \times 10\%/365 \text{ ngày} = 5.479.452 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi ông L yêu cầu ông S phải trả là 5.272.146.119 đồng (Năm tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, một trăm bốn sáu ngàn, một trăm mười chín đồng), trong đó tiền gốc là 4.000.000.000 đồng và tiền lãi là 1.272.146.119 đồng.

** Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Khoảng từ giữa năm 2016, do cần tiền gấp để xoay vòng vốn kinh doanh ông Trương Thế S có vay tiền ông Trần Hữu L chuyên cho vay nặng lãi với lãi suất từ 7% đến 10%/tháng. Số tiền mỗi lần vay dao động từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng và hàng tháng ông S đều trả lại liền tiền gốc, lãi cho ông L. Số dư nợ thường xuyên ông S vay của ông L chỉ từ 1.500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng. Đến khoảng giữa năm 2018 do việc kinh doanh làm ăn của ông S gặp khó khăn, 02 tháng

không trả được tiền gốc và lãi cho ông L. Nên ông L đã lập sẵn Biên bản xác nhận nợ cam kết trả nợ bắt ép ông Sơn nhận số nợ 4.000.000.000 đồng và ký tên vào Biên bản ngày 22/6/2018, nhưng thực tế ông S không vay và số tiền gốc không đến con số này. Đặc biệt vào lúc khoảng 9 giờ đến 10 giờ ngày 18/6/2020 tại Sân bay Pleiku - Gia Lai, khi ông S và hai người cộng sự, đối tác chuẩn bị làm thủ tục để bay về thành phố Hồ Chí Minh thì vợ chồng ông L, bà Hiệp đã thuê xã hội đen (04 người) tổ chức bắt cóc, cưỡng ép, đe dọa ông S không cho lên máy bay về thành phố Hồ Chí Minh, mà lên xe cùng 02 vợ chồng ông L, bà Hiệp đi về thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó vợ chồng ông L, bà Hiệp cưỡng ép ông S viết Giấy cam kết trả nợ cho ông L 4.000.000.000 đồng ghi ngày 20/8/2018 là ghi theo nguyên văn lời đọc và yêu cầu của vợ chồng ông Long và thực chất là ghi lùi ngày, nội dung các Giấy cam kết tẩy xóa, mâu thuẫn, không thống nhất. Đồng thời, vợ chồng ông L bà Hiệp buộc ông S phải đưa 122.000.000 đồng cho vợ chồng ông bà mới thả ông S ra. Lúc đó, ông S có mượn của anh Huỳnh Thanh Tân 120.000.000 đồng và ông Sơn có sẵn 2.000.000 đồng để đưa cho vợ chồng ông L, bà H. Đối với số tiền 122.000.000 đồng này, ông S không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Ông L yêu cầu buộc ông S phải trả số tiền 4.000.000.000 đồng và phần lãi được tính theo lãi suất ngân hàng, ông S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông L bởi vì các cơ sở sau:

Thứ nhất, Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ghi ngày 22/6/2018 và Giấy cam kết trả nợ ghi ngày 20/8/2018 do ông S bị vợ chồng ông L ép buộc, cưỡng ép viết. Do đó, việc ông S bị vợ chồng ông L ép buộc viết Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ và Giấy cam kết trả nợ đã vi phạm một trong những nguyên tắc, điều kiện để giao dịch dân sự có hiệu lực theo khoản 1 Điều 177 Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy, Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ và Giấy cam kết trả nợ này bị vô hiệu, không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự 2015.

Thứ hai, việc ông L yêu cầu ông S trả tổng số tiền vay là 4.000.000.000 đồng là không có cơ sở và số tiền ông Sơn vay không đến con số này, số tiền ông S còn nợ của ông L khoảng từ 1.500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng. Như đã trình bày ở trên các Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ và Giấy cam kết trả nợ bị ép buộc nên vô hiệu không có giá trị pháp lý. Hơn nữa, Giấy cam kết trả nợ thì bị tẩy xóa, nội dung ghi thời gian vay nợ là không đúng thực tế và mâu thuẫn chính với Biên bản xác nhận nợ mà ông L cung cấp. Do đó để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông L phải có nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ về thực tế quá trình chuyển tiền cho vay như hợp đồng vay, các chứng từ giao nhận tiền... theo quy định pháp luật.

Chính vì các căn cứ trên, ông S kính đề nghị xem xét giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

** Trong quá trình tố tụng, người làm chứng là ông Bùi Thanh T đã được Tòa án triệu tập để cung cấp lời khai và đối chất nhưng ông T vắng mặt nên không có lời khai và không tiến hành đối chất được.*

** Tài liệu chứng cứ của vụ án gồm: Bản chính Biên bản về việc xác nhận nợ và cam kết trả nợ 22/6/2018; Bản chính Giấy cam kết trả nợ ngày 20/8/2018; Bản sao vi bằng số 33/2020/VB-TPLPH ngày 02/10/2020 và nội dung đĩa CD.*

** Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 25/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:*

Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu L đối với ông Trương Thế S.

Xử: Buộc ông Trương Thế S phải trả cho ông Trần Hữu L số tiền là 5.272.146.119 đồng, trong đó tiền gốc là 4.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/8/2018 đến ngày 25/10/2021 là 1.272.146.119 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông Trương Thế S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.272.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Trần Hữu L số tiền tạm ứng án phí là 56.461.500 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005052 ngày 09/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

** Sau khi xét xử sơ thẩm, trong hạn luật định, bị đơn ông Trương Thế S kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 25/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu L.*

** Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Thế S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 25/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng ông Bùi Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng ông Bùi Thanh T.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Trương Thế S, thì thấy:

[2.1] Ngày 22/6/2018, ông Trương Thế S và ông Trần Hữu L có lập biên bản về việc xác nhận nợ và cam kết trả nợ, nội dung: Sau khi đối chiếu, hai bên thỏa thuận xác nhận nợ đến hết ngày 22/6/2018 bên B (ông Trương Thế S) còn nợ bên A (ông Trần Hữu L) nợ gốc 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng chẵn). Bên B cam kết thanh toán đủ và đúng số tiền nợ trên nhưng không ghi rõ thời hạn thanh toán. Đến ngày 20/8/2018, ông S viết giấy cam kết trả nợ xác định ông Sơn có nợ ông L số tiền 4.000.000.000 đồng và cam kết trả trước ngày 05/01/2020.

Do ông S chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông L khởi kiện yêu cầu ông S phải trả tiền nợ gốc và lãi là 5.272.146.119 đồng, trong đó tiền gốc là 4.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/8/2018 đến ngày 25/10/2021 là 1.272.146.119 đồng.

Ông S cho rằng Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ghi ngày 22/6/2018 và Giấy cam kết trả nợ ghi ngày 20/8/2018 là do ông bị ông L ép buộc, cưỡng ép viết và lo sợ ông L làm ảnh hưởng đến công việc làm ăn nên đã viết và ký, số tiền ông chỉ mượn của ông L khoảng từ 1.500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng. Hơn nữa, Giấy cam kết trả nợ thì bị tẩy sửa, nội dung ghi thời gian vay nợ là không đúng thực tế và mâu thuẫn chính với Biên bản xác nhận nợ mà ông L cung cấp. Do đó, việc ông bị ông L ép buộc viết Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ, Giấy cam kết trả nợ đã vi phạm một trong những nguyên tắc, điều kiện để giao dịch dân sự có hiệu lực theo khoản 1 Điều 127 Bộ luật Dân sự nên giao dịch vô hiệu.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa ông L và ông S có quan hệ vay mượn tài sản nhiều lần nên các bên lập Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 22/6/2018 và Giấy cam kết trả nợ ngày 20/8/2018. Các bên đều xác nhận do ông Sơn viết và ký 02 văn bản liên quan đến việc xác nhận ông S còn nợ của ông L số tiền 4.000.000.000 đồng

là Biên bản xác nhận nợ ngày 22/6/2018 và Giấy cam kết trả nợ ngày 20/8/2018 vào hai thời điểm khác nhau. Đồng thời, theo Văn bản số 184/CHKPK ngày 12/4/2021 của Cảng hàng không Pleiku về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ trả lời nội dung: *“Theo quy định, các dữ liệu camera giám sát an ninh của Cảng hiện cho phép được lưu giữ 45 ngày và sau đó tự động bị các dữ liệu mới ghi chồng lên dữ liệu quá hạn. Chúng tôi đã kiểm tra và nhận thấy các dữ liệu từ ngày 18/6/2020 hiện tại không còn lưu trữ trên hệ thống. Cảng hàng không Pleiku rất tiếc không thể cung cấp dữ liệu cho Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng”*. Cũng tại phiên tòa ngày 08/4/2022, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông S cung cấp các hình ảnh để cho rằng ông Sơn bị vợ chồng ông L đe dọa, cưỡng ép, tuy nhiên các hình ảnh không thể hiện việc ông S bị vợ chồng ông L đe dọa, cưỡng ép. Vì vậy việc ông S cho rằng ông L ép buộc, đe dọa ông S viết và ký các văn bản trên là không có cơ sở. Do đó giao dịch vay tài sản thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên tham gia giao dịch phải tuân thủ thực hiện. Theo nội dung Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ và Giấy cam kết trả nợ, ông S xác nhận có nợ ông L số tiền 4.000.000.000 đồng, cam kết trả nợ trước ngày 05/01/2020 nhưng ông Sơn chưa thanh toán số tiền nợ cho ông L. Ngoài Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ và Giấy cam kết trả nợ do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bị đơn chỉ mượn ông L số tiền khoảng từ 1.500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng và đã trả số tiền nợ cho ông L. Do ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền 4.000.000.000 đồng theo thỏa thuận tại Giấy cam kết trả nợ ngày 20/8/2018 nên căn cứ các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, cần buộc ông S phải trả cho ông L số tiền 4.000.000.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu của ông L yêu cầu ông S phải thanh toán tiền lãi trên số tiền gốc 4.000.000.00 đồng, theo mức lãi suất là 10%/năm, thời gian tính từ ngày 20/8/2018 đến ngày 25/10/2021 với số tiền lãi là 1.272.146.119 đồng (03 năm 02 tháng 05 ngày x 4.000.000.000 đồng x 10%/năm), thì thấy: Theo Giấy cam kết trả nợ đề ngày 20/8/2018, ông S cam kết trả trước ngày 05/01/2020, khoản vay này tính lãi theo lãi suất ngân hàng nhưng thực tế ông S chưa trả cho ông L khoản tiền lãi nào. Quan hệ vay mượn tiền của ông L và ông S là vay có lãi tính từ thời điểm các bên xác lập quan hệ vay, theo Giấy cam kết trả nợ ghi ngày 20/8/2018 nên yêu cầu của ông L tính lãi từ ngày 20/8/2018 là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông S phải thanh toán cho ông L số tiền lãi tính từ ngày 20/8/2018 đến ngày 25/10/2021 là 1.272.146.119 đồng.

[2.3] Tổng số tiền buộc ông S phải trả cho ông L là 5.272.146.119 đồng (Năm tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, một trăm bốn sáu ngàn, một trăm mười chín đồng), trong đó tiền gốc là 4.000.000.000 đồng và tiền lãi là 1.272.146.119 đồng.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trương Thế S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 25/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: 113.272.000 đồng, bị đơn ông Trương Thế S phải chịu.

+ Ông Trần Hữu L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 56.461.500 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0005052 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng, ông Trương Thế S phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0000509 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Trương Thế S; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 25/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của ông Trần Hữu L đối với ông Trương Thế S.

2. Buộc ông Trương Thế S phải trả cho ông Trần Hữu L số tiền là 5.272.146.119 đồng (Năm tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, một trăm bốn sáu ngàn, một trăm mười chín đồng); trong đó tiền gốc là 4.000.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 20/8/2018 đến ngày 25/10/2021 là 1.272.146.119 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: 113.272.000 đồng (Một trăm mười ba triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng), ông Trương Thế S phải chịu.

+ Hoàn trả cho ông Trần Hữu L số tiền tạm ứng án phí là 56.461.500 đồng (Năm mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm đồng) đã nộp tại biên

lai thu số 0005052 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Trương Thế S phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0000509 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND quận Hải Châu;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Trần Thị Bé

Trần Hoài Sơn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-PT

Ngày: 25/4/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hoài Sơn**

Các Thẩm phán:

Bà **Trần Thị Bé**

Bà **Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thùy Dương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà **Võ Hồng Thắng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2021/TLPT-DS ngày 17/12/2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 25/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2022/QĐ-PT ngày 27/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 27/2022/QĐPT-DS ngày 23/02/2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 45/TB-TA ngày 08/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 44/2022/QĐPT-DS ngày 31/3/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 48/2022/QĐPT-DS ngày 08/4/2022 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Ông **Trần Hữu Long**, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Số 115 đường Lương Nhữ Hộc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành Đá**, sinh năm: 1981 và bà **Dương Thị Mỹ Hằng**, sinh năm: 1997. Địa chỉ liên hệ: K574/11 đường Trưng Nữ Vương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền ngày 29/12/2021). Ông Đá và bà Hằng có mặt.

+ *Bị đơn:* Ông **Trương Thế Sơn**, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Số 258 đường Hàn Thuyên, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà **Nguyễn Hoàng Diễm**, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Số 39 đường Trần Văn Trà, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền ngày 25/12/2020), có mặt.

+ *Người làm chứng:* Ông **Bùi Thanh Tuyền**. Địa chỉ: Căn hộ 10-10 CT2 Chung cư Eco green, số 286 đường Nguyễn Xiển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

+ *Người kháng cáo:* Bị đơn ông **Trương Thế Sơn**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 22/6/2018, ông Trương Thế Sơn có vay mượn ông Trần Hữu Long số tiền là 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng) có biên bản về việc xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 22/6/2018 có chữ ký của ông Trương Thế Sơn. Đến ngày 20/8/2018, ông Sơn có viết giấy cam kết trả nợ (viết tay) có ghi rõ: Khoản vay này tính theo lãi suất ngân hàng (chưa đưa khoản tiền lãi nào), cam kết trả nợ trước ngày 05/01/2020.

Do ông Sơn không trả nợ đúng hạn, ông Long có gọi điện nhưng ông Sơn không hợp tác trả nợ, việc ông Sơn nợ ông Long còn được ghi nhận trong Vi bằng do Văn phòng Thừa phát lại lập tại 47 Lý Tự Trọng, thành phố Đà Nẵng ngày 02/10/2020 giữa ông Trương Thế Sơn, ông Trần Hữu Long và bà Lê Thị Ngọc Hiệp.

Nay ông Long yêu cầu ông Sơn phải trả số tiền 4.000.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 20/8/2018 đến ngày 25/10/2021 là 03 năm 02 tháng 05 ngày, với mức lãi suất là 10%/năm, cụ thể:

- Từ ngày 20/8/2018 - 20/8/2021 là 3 năm: $4.000.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ năm} \times 10\% = 1.200.000.000 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 21/8/2021 đến ngày 20/10/2021 là 2 tháng: $4.000.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} \times 10\%/12 \text{ tháng} = 66.666.667 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 25/10/2021 là 5 ngày: $4.000.000.000 \text{ đ} \times 5 \text{ ngày} \times 10\%/365 \text{ ngày} = 5.479.452 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi ông Long yêu cầu ông Sơn phải trả là 5.272.146.119 đồng (Năm tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, một trăm bốn sáu ngàn,

một trăm mười chín đồng), trong đó tiền gốc là 4.000.000.000 đồng và tiền lãi là 1.272.146.119 đồng.

** Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Khoảng từ giữa năm 2016, do cần tiền gấp để xoay vòng vốn kinh doanh ông Trương Thế Sơn có vay tiền ông Trần Hữu Long chuyên cho vay nặng lãi với lãi suất từ 7% đến 10%/tháng. Số tiền mỗi lần vay dao động từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng và hàng tháng ông Sơn đều trả lại liền tiền gốc, lãi cho ông Long. Số dư nợ thường xuyên ông Sơn vay của ông Long chỉ từ 1.500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng. Đến khoảng giữa năm 2018 do việc kinh doanh làm ăn của ông Sơn gặp khó khăn, 02 tháng không trả được tiền gốc và lãi cho ông Long. Nên ông Long đã lập sẵn Biên bản xác nhận nợ cam kết trả nợ bắt ép ông Sơn nhận số nợ 4.000.000.000 đồng và ký tên vào Biên bản ngày 22/6/2018, nhưng thực tế ông Sơn không vay và số tiền gốc không đến con số này. Đặc biệt vào lúc khoảng 9 giờ đến 10 giờ ngày 18/6/2020 tại Sân bay Pleiku - Gia Lai, khi ông Sơn và hai người cộng sự, đối tác chuẩn bị làm thủ tục để bay về thành phố Hồ Chí Minh thì vợ chồng ông Long, bà Hiệp đã thuê xã hội đen (04 người) tổ chức bắt cóc, cưỡng ép, đe dọa ông Sơn không cho lên máy bay về thành phố Hồ Chí Minh, mà lên xe cùng 02 vợ chồng ông Long, bà Hiệp đi về thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó vợ chồng ông Long, bà Hiệp cưỡng ép ông Sơn viết Giấy cam kết trả nợ cho ông Long 4.000.000.000 đồng ghi ngày 20/8/2018 là ghi theo nguyên văn lời đọc và yêu cầu của vợ chồng ông Long và thực chất là ghi lùi ngày, nội dung các Giấy cam kết tẩy xóa, mâu thuẫn, không thống nhất. Đồng thời, vợ chồng ông Long bà Hiệp buộc ông Sơn phải đưa 122.000.000 đồng cho vợ chồng ông bà mới thả ông Sơn ra. Lúc đó, ông Sơn có mượn của anh Huỳnh Thanh Tân 120.000.000 đồng và ông Sơn có sẵn 2.000.000 đồng để đưa cho vợ chồng ông Long, bà Hiệp. Đối với số tiền 122.000.000 đồng này, ông Sơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Ông Long yêu cầu buộc ông Sơn phải trả số tiền 4.000.000.000 đồng và phần lãi được tính theo lãi suất ngân hàng, ông Sơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông Long bởi vì các cơ sở sau:

Thứ nhất, Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ghi ngày 22/6/2018 và Giấy cam kết trả nợ ghi ngày 20/8/2018 do ông Sơn bị vợ chồng ông Long ép buộc, cưỡng ép viết. Do đó, việc ông Sơn bị vợ chồng ông Long ép buộc viết Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ và Giấy cam kết trả nợ đã vi phạm một trong những nguyên tắc, điều kiện để giao dịch dân sự có hiệu lực theo khoản 1 Điều 177 Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy, Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ và Giấy cam kết trả nợ này bị vô hiệu, không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự 2015.

Thứ hai, việc ông Long yêu cầu ông Sơn trả tổng số tiền vay là 4.000.000.000 đồng là không có cơ sở và số tiền ông Sơn vay không đến con số này, số tiền ông Sơn còn nợ của ông Long khoảng từ 1.500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng. Như đã trình bày ở trên các Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ và Giấy cam kết trả nợ bị

ép buộc nên vô hiệu không có giá trị pháp lý. Hơn nữa, Giấy cam kết trả nợ thì bị tẩy sửa, nội dung ghi thời gian vay nợ là không đúng thực tế và mâu thuẫn chính với Biên bản xác nhận nợ mà ông Long cung cấp. Do đó để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông Long phải có nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ về thực tế quá trình chuyển tiền cho vay như hợp đồng vay, các chứng từ giao nhận tiền... theo quy định pháp luật.

Chính vì các căn cứ trên, ông Sơn kính đề nghị xem xét giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

** Trong quá trình tố tụng, người làm chứng là ông Bùi Thanh Tuyền đã được Tòa án triệu tập để cung cấp lời khai và đối chất nhưng ông Tuyền vắng mặt nên không có lời khai và không tiến hành đối chất được.*

* Tài liệu chứng cứ của vụ án gồm: Bản chính Biên bản về việc xác nhận nợ và cam kết trả nợ 22/6/2018; Bản chính Giấy cam kết trả nợ ngày 20/8/2018; Bản sao vi bằng số 33/2020/VB-TPLPH ngày 02/10/2020 và nội dung đĩa CD.

** Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 25/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:*

Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu Long đối với ông Trương Thế Sơn.

Xử: Buộc ông Trương Thế Sơn phải trả cho ông Trần Hữu Long số tiền là 5.272.146.119 đồng, trong đó tiền gốc là 4.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/8/2018 đến ngày 25/10/2021 là 1.272.146.119 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông Trương Thế Sơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.272.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Trần Hữu Long số tiền tạm ứng án phí là 56.461.500 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005052 ngày 09/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, trong hạn luật định, bị đơn ông Trương Thế Sơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 25/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu Long.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Thế Sơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 25/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng ông Bùi Thanh Tuyền đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng ông Bùi Thanh Tuyền.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Trương Thế Sơn, thì thấy:

[2.1] Ngày 22/6/2018, ông Trương Thế Sơn và ông Trần Hữu Long có lập biên bản về việc xác nhận nợ và cam kết trả nợ, nội dung: Sau khi đối chiếu, hai bên thỏa thuận xác nhận nợ đến hết ngày 22/6/2018 bên B (ông Trương Thế Sơn) còn nợ bên A (ông Trần Hữu Long) nợ gốc 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng chẵn). Bên B cam kết thanh toán đủ và đúng số tiền nợ trên nhưng không ghi rõ thời hạn thanh toán. Đến ngày 20/8/2018, ông Sơn viết giấy cam kết trả nợ xác định ông Sơn có nợ ông Long số tiền 4.000.000.000 đồng và cam kết trả trước ngày 05/01/2020.

Do ông Sơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông Long khởi kiện yêu cầu ông Sơn phải trả tiền nợ gốc và lãi là 5.272.146.119 đồng, trong đó tiền gốc là 4.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/8/2018 đến ngày 25/10/2021 là 1.272.146.119 đồng.

Ông Sơn cho rằng Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ghi ngày 22/6/2018 và Giấy cam kết trả nợ ghi ngày 20/8/2018 là do ông bị ông Long ép buộc, cưỡng ép viết và lo sợ ông Long làm ảnh hưởng đến công việc làm ăn nên đã viết và ký, số tiền ông chỉ mượn của ông Long khoảng từ 1.500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng.

Hơn nữa, Giấy cam kết trả nợ thì bị tẩy sửa, nội dung ghi thời gian vay nợ là không đúng thực tế và mâu thuẫn chính với Biên bản xác nhận nợ mà ông Long cung cấp. Do đó, việc ông bị ông Long ép buộc viết Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ, Giấy cam kết trả nợ đã vi phạm một trong những nguyên tắc, điều kiện để giao dịch dân sự có hiệu lực theo khoản 1 Điều 127 Bộ luật Dân sự nên giao dịch vô hiệu.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa ông Long và ông Sơn có quan hệ vay mượn tài sản nhiều lần nên các bên lập Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 22/6/2018 và Giấy cam kết trả nợ ngày 20/8/2018. Các bên đều xác nhận do ông Sơn viết và ký 02 văn bản liên quan đến việc xác nhận ông Sơn còn nợ của ông Long số tiền 4.000.000.000 đồng là Biên bản xác nhận nợ ngày 22/6/2018 và Giấy cam kết trả nợ ngày 20/8/2018 vào hai thời điểm khác nhau. Đồng thời, theo Văn bản số 184/CHKPK ngày 12/4/2021 của Cảng hàng không Pleiku về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ trả lời nội dung: *“Theo quy định, các dữ liệu camera giám sát an ninh của Cảng hiện cho phép được lưu giữ 45 ngày và sau đó tự động bị các dữ liệu mới ghi chồng lên dữ liệu quá hạn. Chúng tôi đã kiểm tra và nhận thấy các dữ liệu từ ngày 18/6/2020 hiện tại không còn lưu trữ trên hệ thống. Cảng hàng không Pleiku rất tiếc không thể cung cấp dữ liệu cho Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng”*. Cũng tại phiên tòa ngày 08/4/2022, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Sơn cung cấp các hình ảnh để cho rằng ông Sơn bị vợ chồng ông Long đe dọa, cưỡng ép, tuy nhiên các hình ảnh không thể hiện việc ông Sơn bị vợ chồng ông Long đe dọa, cưỡng ép. Vì vậy việc ông Sơn cho rằng ông Long ép buộc, đe dọa ông Sơn viết và ký các văn bản trên là không có cơ sở. Do đó giao dịch vay tài sản thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên tham gia giao dịch phải tuân thủ thực hiện. Theo nội dung Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ và Giấy cam kết trả nợ, ông Sơn xác nhận có nợ ông Long số tiền 4.000.000.000 đồng, cam kết trả nợ trước ngày 05/01/2020 nhưng ông Sơn chưa thanh toán số tiền nợ cho ông Long. Ngoài Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ và Giấy cam kết trả nợ do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bị đơn chỉ mượn ông Long số tiền khoảng từ 1.500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng và đã trả số tiền nợ cho ông Long. Do ông Sơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền 4.000.000.000 đồng theo thỏa thuận tại Giấy cam kết trả nợ ngày 20/8/2018 nên căn cứ các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Long, cần buộc ông Sơn phải trả cho ông Long số tiền 4.000.000.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu của ông Long yêu cầu ông Sơn phải thanh toán tiền lãi trên số tiền gốc 4.000.000.00 đồng, theo mức lãi suất là 10%/năm, thời gian tính từ ngày 20/8/2018 đến ngày 25/10/2021 với số tiền lãi là 1.272.146.119 đồng (03 năm 02 tháng 05 ngày x 4.000.000.000 đồng x 10%/năm), thì thấy: Theo Giấy cam kết trả nợ đề ngày 20/8/2018, ông Sơn cam kết trả trước ngày 05/01/2020, khoản vay này tính lãi theo lãi suất ngân hàng nhưng thực tế ông Sơn chưa trả cho ông Long khoản

tiền lãi nào. Quan hệ vay mượn tiền của ông Long và ông Sơn là vay có lãi tính từ thời điểm các bên xác lập quan hệ vay, theo Giấy cam kết trả nợ ghi ngày 20/8/2018 nên yêu cầu của ông Long tính lãi từ ngày 20/8/2018 là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Sơn phải thanh toán cho ông Long số tiền lãi tính từ ngày 20/8/2018 đến ngày 25/10/2021 là 1.272.146.119 đồng.

[2.3] Tổng số tiền buộc ông Sơn phải trả cho ông Long là 5.272.146.119 đồng (Năm tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, một trăm bốn sáu ngàn, một trăm mười chín đồng), trong đó tiền gốc là 4.000.000.000 đồng và tiền lãi là 1.272.146.119 đồng.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trương Thế Sơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 25/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: 113.272.000 đồng, bị đơn ông Trương Thế Sơn phải chịu.

+ Ông Trần Hữu Long không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 56.461.500 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0005052 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng, ông Trương Thế Sơn phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0000509 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Trương Thế Sơn; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 25/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của ông Trần Hữu Long đối với ông Trương Thế Sơn.

2. Buộc ông Trương Thế Sơn phải trả cho ông Trần Hữu Long số tiền là 5.272.146.119 đồng (Năm tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, một trăm bốn sáu ngàn, một trăm mười chín đồng); trong đó tiền gốc là 4.000.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 20/8/2018 đến ngày 25/10/2021 là 1.272.146.119 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: 113.272.000 đồng (Một trăm mười ba triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng), ông Trương Thế Sơn phải chịu.

+ Hoàn trả cho ông Trần Hữu Long số tiền tạm ứng án phí là 56.461.500 đồng (Năm mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0005052 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Trương Thế Sơn phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0000509 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND quận Hải Châu;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Sơn

